

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TC
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST
Ngày: 09/05/2023
V/v tranh chấp dân sự, vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Hùng và ông Nguyễn Hoàng Tam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Toà án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa:
Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2021/TLST-DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 23/03/2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 11/TB-TA ngày 11/04/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Nh (B), sinh năm 1966, địa chỉ: tổ 06, khóm Long Thành, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG;

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1975, cùng địa chỉ: tổ 12, ấp Long Thành, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG.

Ông Nh có mặt tại phiên tòa; ông Đ và bà Tr vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn Nh trình bày:

Ngày 21/01/2020, ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị Tr có vay của ông Nh số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả 01 tháng, mục đích vay để mua bán heo hơi, có làm biên nhận. Sau khi vay, ông Đ và bà Tr trả lãi được 02 tháng x 1.500.000 = 3.000.000 đồng, ngưng trả lãi từ ngày 21/4/2020 và chưa trả vốn.

Đến ngày 20/4/2020, ông Đ và bà Tr vay số tiền 146.000.000 đồng, thời hạn trả 01 tháng, mục đích vay để đảo hạn Ngân hàng, lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận. Sau khi vay, ông Đ và bà Tr trả lãi được 7.000.000 đồng/tháng (100.000.000 đồng x 01 tháng = 5.000.000 đồng; 40.000.000 đồng x 01 tháng = 2.000.000 đồng), còn 6.000.000 đồng chưa trả lãi, ông Đ và bà Tr ngưng trả lãi từ ngày 20/6/2020 và chưa trả vốn.

Tổng cộng, ông Đ và bà Tr vay của ông Nh số tiền 176.000.000 (một trăm bảy mươi sáu triệu) đồng. Ông Đ, bà Tr đã nhiều lần hứa hẹn sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông Đ và bà Tr đứng tên để trả nợ cho ông Nh nhưng sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong thì ông Đ, bà Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 19/01/2023, ông Nh có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Đ và bà Tr trả số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo biên nhận ngày 21/01/2020.

Ông Nh yêu cầu ông Đ và bà Tr có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 146.000.000 (một trăm bốn mươi sáu triệu) đồng theo biên nhận ngày 20/4/2020 và yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 20/6/2020 đến khi xét xử xong vụ án.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản chính và photo biên nhận nợ ngày 21/01/2020 và ngày 20/4/2020. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông Nh yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã TC giám định chữ ký giám định chữ ký tên “Đ” và “Tr”, ở 02 (hai) biên nhận nợ ngày 21/3/2020, ngày 20/4/2020 tại Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh AG và Phân viện khoa học Hình sự - Bộ Công an tại thành phố HCM.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 24/TB-TLVA ngày 03/11/2021; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 73/TB-TA ngày 22/12/2021 và số 775/TB-TA ngày 26/12/2022 và các văn bản tố tụng khác cho ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tr nhưng ông Đ và bà Tr từ chối nhận văn bản, không đến tham gia tố tụng theo triệu tập, thông báo của Tòa án và không có văn bản trình bày cho Tòa án.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ: Thu thập mẫu chữ ký và chữ viết của ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tr tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch TC và Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh TC; Trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Đ và bà Tr tại Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh AG và Phân viện khoa học Hình sự tại thành phố HCM. Cụ thể:

- Kết luận giám định số 40 ngày 24/5/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh AG:

+ Chữ ký mang tên Huỳnh Văn Đ trên 02 (hai) Biên nhận nợ ngày 21/01/2020, ngày 20/4/2020 so với chữ ký của Huỳnh Văn Đ trên các tài liệu so sánh (Hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202100820 ngày 26/02/2021 và Phụ lục Hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi

nhánh thị xã TC; Hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202103807 ngày 21/9/2021 và Bản chính Phụ lục Hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 407/HĐTC ngày 01/11/2019 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 249/HĐTC ngày 22/10/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC) không phải do cùng một người ký ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Nguyễn Thị Trang trên Biên nhận ngày 21/01/2020 cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Thị Tr trên các tài liệu so sánh (Hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202100820 ngày 26/02/2021 và Phụ lục Hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202103807 ngày 21/9/2021 và Bản chính Phụ lục Hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 407/HĐTC ngày 01/11/2019 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 249/HĐTC ngày 22/10/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC) có phải do cùng một người ký ra hay không.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Tr trên Biên nhận ngày 20/4/2020 cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Thị Tr trên các tài liệu so sánh (Hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202100820 ngày 26/02/2021 và Phụ lục Hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202103807 ngày 21/9/2021 và Bản chính Phụ lục Hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 407/HĐTC ngày 01/11/2019 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 249/HĐTC ngày 22/10/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC) không phải do cùng một người ký ra.

- Kết luận giám định số 5484 ngày 18/11/2022 của Phân viện khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh:

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Tr trên tài liệu cần giám định (Biên nhận ngày 20/4/2020, ký hiệu A2) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Tr trên 04 tài liệu so sánh (Hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202100820 ngày 26/02/2021 và Phụ lục Hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202103807 ngày 21/9/2021 và Bản chính Phụ lục Hợp đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 407/HĐTC ngày 01/11/2019 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 249/HĐTC ngày 22/10/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát

triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TC, ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Huỳnh Văn Đ trên tài liệu cần giám định (Biên nhận ngày 21/01/2020; ngày 20/4/2020, ký hiệu A1 và A2); chữ ký Nguyễn Thị Tr trên tài liệu cần giám định (Biên nhận ngày 21/01/2020, ký hiệu A1) so với chữ ký tương ứng tên Nguyễn Thị Tr, Huỳnh Văn Đ trên 04 tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại phiên tòa, ông Nh yêu cầu ông Đ và bà Tr có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 146.000.000 (một trăm bốn mươi sáu triệu) đồng theo biên nhận ngày 20/4/2020 và yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 20/6/2020 đến ngày 09/05/2023 (ngày xét xử sơ thẩm).

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Đặng và bà Trang đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Giải quyết vụ án: Việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng thỏa thuận bằng lời nói, có làm biên nhận nợ, chủ thể ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng thể hiện sự tự nguyện của các bên. Tuy nhiên, bà ông Đ, bà Tr không trả nợ gốc theo yêu cầu của ông Nh là vi phạm hợp đồng. Ông Nh yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà Tr có trách nhiệm trả dứt một lần số tiền vốn 176.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đến khi thanh toán nợ xong. Ngày 19/01/2023, ông Nh rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Đ, bà Tr trả số tiền 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/01/2020, yêu cầu ông Đ, bà Tr có trách nhiệm trả số tiền 146.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/04/2020 và yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 20/6/2020 đến khi xét xử xong vụ án.

Ngày 30/09/2022 Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký của Đ, Tr trên hai biên nhận nợ ngày 21/01/2020, 20/04/2020 với chữ ký bản chính hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202100820 ngày 26/02/2021 và hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-202103807 ngày 21/09/2021 và kèm theo bản thể chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam – Phòng giao dịch TC với Đ,

Tr và gửi giám định tại Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố HCM. Tại bản Kết luận giám định ngày 18/11/2022 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố HCM kết luận chữ ký trên biên nhận ngày 20/04/2022 là của bà Tr. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 147, Điều 244 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Nh, buộc ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị Tr có trách nhiệm trả cho ông Nh số tiền nợ gốc 146.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/04/2020 và yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 20/6/2020 đến khi xét xử xong vụ án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Đ, bà Tr trả số tiền 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/01/2020 cho ông Nhứt.

2. Đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Ông Trần Văn Nh khởi kiện tranh chấp dân sự, vay tài sản với ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị Tr, cùng địa chỉ: tổ 12, ấp Long Thành, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/4/2020, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền, thời hạn 01 (một) tháng (30 ngày). Ngày 22/10/2021, nguyên đơn khởi kiện vẫn còn thời hiệu theo Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

** Về nội dung:*

[1] Hợp đồng vay tài sản: Hợp đồng vay tài sản (biên nhận ngày 20/04/2020) giữa ông Trần Văn Nh với bà Nguyễn Thị Tr được lập thành văn bản và ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Về khoản nợ vốn vay và tiền lãi:

- Vốn vay: Theo lời khai của ông Nh, ngày 20/4/2020, ông Nh có cho ông

Đ và bà Tr vay số tiền 146.000.000 đồng, thời hạn trả 01 tháng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận. Ông Đ, bà Tr đã nhiều lần hứa hẹn sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông Đ và bà Tr đứng tên để trả nợ cho ông Nh nhưng sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong thì ông Đ, bà Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 146.000.000 đồng. Nay, ông Nh yêu cầu ông Đ và bà Tr có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 146.000.000 (một trăm bốn mươi sáu triệu) đồng theo biên nhận ngày 20/4/2020.

Xét, lời trình bày của ông Nh phù hợp với biên nhận ngày 20/04/2020 do Tr ký tên chỗ người vay nợ; phù hợp Kết luận giám định số 5484 ngày 18/11/2022 của Phân viện khoa học Hình sự tại thành phố HCM.

Theo Kết luận giám định số 5484 ngày 18/11/2022 của Phân viện khoa học Hình sự tại thành phố HCM thì không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Huỳnh Văn Đ trên tài liệu cần giám định (dưới mục “người vay nợ” Biên nhận ngày 20/4/2020) so với chữ ký tương ứng tên Huỳnh Văn Đ trên 04 tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là có phải do cùng một người ký ra hay không. Nhưng biên nhận nợ thể hiện bà Tr là vợ của ông Đ và theo lời trình bày của ông Nh thì ông Đ, bà Tr vay số tiền 146.000.000 đồng để để đáo hạn Ngân hàng. Do đó, cần buộc ông Đ cùng có trách nhiệm với bà Tr thanh toán nợ cho ông Nh là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Như vậy, ông Nh yêu cầu ông Đ và bà Tr trả số tiền vốn vay 146.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tiền lãi:

Ông Nh khai, ông Nh cho ông Đ và bà Tr vay 146.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, từ khi vay cho đến nay, ông Đ và bà Tr trả tiền lãi được 7.000.000 đồng và ngưng trả vốn, lãi từ ngày 20/6/2020. Tuy nhiên, biên nhận ngày 20/04/2020 không thể hiện mức thỏa thuận lãi suất của các đương sự, do đó mức lãi suất được tính đối với khoản vay 146.000.000 đồng là 10%/năm.

Ông Nh yêu cầu ông Đ và bà Tr có trách nhiệm trả tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 20/6/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm là phù hợp, xét chấp nhận.

Lãi suất vay giữa ông Nh với ông Đ, bà Tr được tính cụ thể như sau: $146.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm} \times 10 \text{ tháng} \times 18 \text{ ngày} \text{ (lãi suất } 10\%/\text{năm}) = 42.096.000 \text{ đồng}$ – $7.000.000 \text{ (tiền lãi ông Đ và bà Tr đã trả cho ông Nh)} = 35.096.000 \text{ đồng}$.

Buộc ông Đ và bà Tr có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nh vốn $146.000.000 \text{ đồng} + \text{lãi } 35.096.000 \text{ đồng} = 181.096.000 \text{ (một trăm tám mươi một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn) đồng}$.

Kể từ ngày ông Nh có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí,

Ông Đ và bà Tr phải chịu 9.054.000 đồng (của số tiền 181.096.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông Nh 4.400.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005925 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Nh tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Đ và bà Tr trả số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo biên nhận ngày 21/01/2020. Xét thấy, ông Nh tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Nh đối với ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tr về việc ông Nh yêu cầu bà ông Đ và bà Tr cùng liên đới có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Nh đối với ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tr về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản”.

Buộc ông Đ và bà Tr có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nh vốn 146.000.000 đồng + lãi 35.096.000 đồng = 181.096.000 (một trăm tám mươi một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông Nh có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tr phải chịu 9.054.000 đồng (của số tiền 181.096.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nh 4.400.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005925 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh ông Nh có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đ và bà Tr là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG (1);
- VKSND TX. TC (2);
- CC.THADS TX. TC (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương